

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 08 - 8 - 2022
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Thái

Bà Trần Thị Mỹ Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 08/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/QĐST-HNGĐ ngày 29/7/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Bích T**, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ cư trú hiện tại: Số 36, hẻm C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn B, Văn phòng Luật sư Nguyễn Thy-HG, Đoàn Luật sư tỉnh Hậu Giang. (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Phan Thanh N**, sinh năm 1994. (có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Long B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. **Ngân hàng TMCP N.** (vắng mặt)

Địa chỉ: 198 Trần Quang K, Phường Lý Thái T, Quận H, Hà Nội

Địa chỉ liên hệ: ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

2. **Chị Đặng Thu C**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 6, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

3. **Anh Trịnh Dũng N.** (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

4. **Chị Võ Thị Cẩm H**, sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: 42b1/12 Nguyễn Văn L, khu vực C, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. **Bà Trương Thị T**, sinh năm 1971 (có mặt)

6. **Ông Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 36, hẻm C, phường Xh, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. **Bà Phan Hồng C**, sinh năm 1975. (có mặt)

8. **Bà Ngô Thúy L**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Bích T trình bày:**

Chị với anh Phan Thanh N quen biết nhau, được hai gia đình đồng ý nên đã tổ chức đám cưới. Sau đó, chị với anh N tự nguyện đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã N cung cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/6/2016. Thời gian đầu chung sống với nhau rất hạnh phúc và có chung với nhau 01 đứa con chung tên Phan Đình P, sinh ngày 27/10/2016, hiện con chung đang sống chung với chị. Tuy nhiên, thời gian gần đây giữa chị với anh N thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đến tháng 11/2020 thì hai vợ chồng chị đã ly thân và chị về nhà mẹ ruột sinh sống cho đến nay.

Trong thời gian chung sống giữa chị với anh N có tạo lập một số tài sản chung gồm: Phần đất có diện tích 1133,9m², trong đó đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 833,9m² thuộc thửa số 286, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Phần đất có diện tích 100m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại khu phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; 01 căn nhà cấp 04 được xây dựng vào tháng 5/2019 có tổng diện tích nền 314m², trong đó diện tích nhà chính chiều ngang 9m4, chiều dài 25m và nhà phụ để xe chiều ngang 4m5, dài 25m nhà được xây dựng trên đất của cha mẹ chồng chị

tọa lạc tại ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. 01 Chiếc xe Cuốc nhãn hiệu Hitachi 03; 03 Xe chõ đất; 01 Chệt sắt chuyên chở xe cuốc; 01 Bộ bàn khách gỗ hương; 01 Tủ thờ gỗ cam xe; 01 Cặp lục bình gỗ; 02 Máy lạnh nhãn hiệu Panasonic; 01 Máy nước nóng năng lượng mặt trời; 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua; 01 Tủ lạnh nhãn hiệu Aqua; 02 Tivi Sony 43 Inch. Ngoài ra, hai vợ chồng chị cũng có một số khoản nợ chung gồm: Nợ bà Đặng Thu C số tiền 130.000.000 đồng, nợ ông Trịnh Dũng N tổng nợ gốc và lãi suất là 230.000.000 đồng, nợ bà Võ Thị Cẩm H số tiền 40.000.000 đồng, nợ bà Trương Thị T và ông Nguyễn Hữu M số tiền 1.050.000.000 đồng, nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ gốc là 850.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Tuy nhiên, đối với tài sản và nợ chung trong quá trình giải quyết vụ án chị có làm đơn xin rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng thời, tại phiên tòa chị vẫn giữ nguyên đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về phân chia tài sản chung và nợ chung, để chị với anh N sẽ tự thỏa thuận.

Nay nhận thấy, tình cảm giữa chị với anh N không còn nên chị Nguyễn Bích T yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về hôn nhân chị T xin ly hôn với anh Phan Thanh N.
- Về con chung chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung, nợ chung chị T xin rút lại để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: chị T không yêu cầu giải quyết.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/3/2022 và tại phiên tòa bị đơn anh Phan Thanh N trình bày:**

Anh thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Bích T về quan hệ hôn nhân, con chung. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý. Đối với con chung tên Phan Đình P, sinh ngày 27/10/2016 anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung thì anh cũng đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con. Hiện anh làm nghề tài xế cho Công ty xây dựng nên thu nhập hàng tháng khoảng 12.000.000 đồng. Do đó, đối với mức cấp dưỡng nuôi con anh chỉ đồng ý cấp dưỡng hàng tháng là 1.500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: anh không yêu cầu giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Hồng C trình bày:** Các tài sản mà chị T yêu cầu phân chia là của vợ chồng ông tạo lập được không phải của vợ chồng chị T. Tuy nhiên, do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên ông không ý kiến gì. Đối với các yêu cầu khởi kiện khác của chị T thì ông không ý kiến.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Cẩm H trình bày:**

Trong thời gian chung sống thì chị T và anh N có vay của chị số tiền là 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này mà sẽ tự thỏa thuận. Nếu sau này chị không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thu C trình bày:**

Trong thời gian chung sống thì chị T và anh N có vay của chị số tiền là 130.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị không có yêu cầu gì trong vụ án này mà sẽ tự thỏa thuận. Nếu sau này chị không thỏa thuận được sẽ khởi kiện thành vụ án khác

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T trình bày:** Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này mà để tự thỏa thuận.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn Luật sư Nguyễn Văn B trình bày:** Do mâu thuẫn giữa chị T với anh N không thể hàn gắn được nên chị T xin ly hôn với anh N. Tại phiên tòa anh N cũng đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận chị T được ly hôn với anh N. Về nghĩa vụ nuôi con chung, hiện con chung đang sống chung với chị T và đang đi học, chị T cũng có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Đối với anh N không chứng minh được anh đang có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T là giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng và chị T đồng ý nên đề nghị HĐXX chấp nhận và buộc anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng đến khi con được 18 tuổi. Đối với các yêu cầu khác do chị T đã rút và anh N cũng không có yêu cầu phản tố nên đề nghị HĐXX chấp nhận và đình chỉ đối với các yêu cầu chị T đã rút.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử; Đồng thời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa, các đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa.

- Về nội dung: Về hôn nhân đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trâm về việc xin ly hôn với anh N; Về con chung, đề nghị HĐXX giao con chung tên Phan Đình P, sinh ngày 27/10/2016 cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị HĐXX buộc bị đơn anh N cấp dưỡng tiền nuôi con với tiền 1.500.000 đồng/tháng. Đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung do nguyên đơn rút lại, không yêu cầu nên đề nghị HĐXX đình chỉ các yêu cầu này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại ấp M, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng nên HĐXX xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình “Về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng TMCP N, chị Đặng Thu C, chị Võ Thị Cẩm H, anh Trịnh Dũng N, ông Nguyễn Hữu M, bà Ngô Thúy L. Xét thấy, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, riêng chị C và chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[3] Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút lại một phần đơn yêu cầu khởi kiện về việc phân chia tài sản chung và nợ chung. Xét thấy, việc nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện. Đồng thời, từ khi thụ lý đến nay bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu độc lập. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Ngã Năm cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 22/6/2016. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn số 45/2016 (BL 20) nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn trình bày do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hiện giữa hai người đã ly thân với nhau từ tháng 11/2020 đến nay. Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do cuộc sống của vợ chồng của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên phát sinh mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đồng thời, tại phiên tòa nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn và bị đơn cũng đồng ý. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình HĐXX chấp nhận nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[5] Về con chung: Các bên thống nhất có 01 đứa con chung tên Phan Đình P, sinh ngày 27/10/2016, hiện con chung đang sống chung với mẹ. Nguyên đơn với bị đơn đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện nguyên đơn đang công tác trong ngành y tế và làm việc tại bệnh viện đa khoa phụ sản Cần Thơ có thu nhập ổn định. Bị đơn hiện làm nghề tài xế cho Công ty xây dựng. Mặc dù, hiện nguyên đơn với bị đơn đều có nghề nghiệp ổn định. Tuy nhiên, từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay thì con chung có cuộc sống ổn định cùng với nguyên đơn. Từ đó, HĐXX thiết nghĩ không cần phải thay đổi cuộc sống hiện tại của con

chung. Bởi việc thay đổi môi trường sống hiện tại của cháu Phong sẽ ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển tâm sinh lý của cháu nên cần thiết giao cháu Phong cho nguyên đơn được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Dành quyền cho bị đơn được chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở bị đơn thực hiện quyền này.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhận thấy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng tiền nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Bị đơn đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 1.500.000 đồng. Xét thấy, hiện con chung còn nhỏ nên nhu cầu thiết yếu không cao, nên mức cấp dưỡng bị đơn nêu ra cũng phù hợp với nhu cầu của người được cấp dưỡng và khả năng người cấp dưỡng. Đồng thời, nguyên đơn cũng đồng ý với mức cấp dưỡng mà bị đơn nêu ra. Từ đó, HĐXX chấp nhận và buộc bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.500.000 đồng.

[7] Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những phân tích nêu trên xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án là cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 144, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Nguyễn Bích T được ly hôn với bị đơn anh Phan Thanh N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Đình P, sinh ngày 27/10/2016 cho chị Nguyễn Bích T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền cho anh Phan Thanh N được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc bị đơn anh Phan Thanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cháu Phan Đình P, sinh ngày 27/10/2016 đến khi con được 18 tuổi, mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án (ngày 08/8/2022). Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu phân chia tài sản chung và nợ chung gồm:

- Về tài sản chung: Phần đất có diện tích 1133,9m², trong đó đất ở tại nông thôn 300m², đất trồng cây lâu năm 833,9m² thuộc thửa số 286, tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại ấp T, xã L, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; Phần đất có diện tích 100m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 273, tờ bản đồ số 29, tọa lạc tại khu phố C, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang; 01 căn nhà cấp 04 được xây dựng vào tháng 5/2019 có tổng diện tích nền 314m², trong đó diện tích nhà chính chiều ngang 9,4m, chiều dài 25m và nhà phụ để xe chiều ngang 4,5m, dài 25m nhà được xây dựng trên đất tọa lạc tại ấp Mỹ Hiệp, xã Long Bình, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. 01 Chiếc xe Cuốc nhãn hiệu Hitachi 03; 03 Xe chở đất; 01 Chệt sắt chuyên chở xe cuốc; 01 Bộ bàn khách gỗ hương; 01 Tủ thờ gỗ cam xe; 01 Cặp lục bình gỗ; 02 Máy lạnh nhãn hiệu Panasonic; 01 Máy nước nóng năng lượng mặt trời; 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua; 01 Tủ lạnh nhãn hiệu Aqua; 02 Tivi Sony 43 Inch.

- Về nợ chung: Nợ bà Đặng Thu C số tiền 130.000.000 đồng, nợ ông Trịnh Dũng N tổng nợ gốc và lãi suất là 230.000.000 đồng, nợ bà Võ Thị Cẩm H số tiền 40.000.000 đồng, nợ bà Trương Thị T và ông Nguyễn Hữu M số tiền 1.050.000.000 đồng, nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền nợ gốc là 850.000.000 đồng và lãi suất phát sinh

5. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra xem xét.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Bích T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 34.220.000 đồng (*ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0007785 ngày 25/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn trả lại cho chị T tiền tạm ứng án phí còn dư là 33.920.000 đồng (*ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*)

Buộc bị đơn anh Phan Thanh N chịu án phí cấp dưỡng 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- UBND xã Long Bình, thị xã Ngã Năm;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Phước Toàn